tíng chē

停车

Verb · to pull up (stop one's vehicle)

Example Sentences

Qǐng zài chāo shì mén kǒu tíng chē
请 在 超 市 门 口 停 车 。

Please pull up (stop the vehicle) at the supermarket entrance.

qǐng zài zhè lǐ tíng chē
请 在 这 里 停 车 。

Please stop the car here.

qǐng xiǎo xīn shǐ rù tíng chē chǎng
请 小 心 驶 入 停 车 场 。

Please drive carefully into the parking lot

Trace each character, then write the word on your own.

停 停 停 停 停 停 停 停 停 停 停
停 停 停

车 车 车 车 车 车 车